

BÁO CÁO

**Thẩm tra các dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 12 (cuối năm 2023),
Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X**

Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 352/HĐND ngày 06/10/2023 và Công văn số 382/HĐND ngày 25/10/2023 về thẩm tra các dự thảo nghị quyết tại kỳ họp chuyên đề của HĐND tỉnh khóa X; Công văn số 408/HĐND ngày 07/11/2023 của Thường trực HĐND về việc thẩm tra dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp cuối năm 2023, HĐND tỉnh khóa X.

Sau khi xem xét hồ sơ, nghiên cứu nội dung các dự thảo nghị quyết của UBND tỉnh, Ban kinh tế - ngân sách đã tổ chức làm việc trực tiếp với các đơn vị soạn thảo và tiến hành công tác thẩm tra theo quy định. Ngày 21/11/2023, Ban đã họp toàn thể các thành viên cùng với các đơn vị soạn thảo để thông qua các nội dung báo cáo thẩm tra của Ban trình tại kỳ họp. Ban kinh tế - ngân sách báo cáo HĐND tỉnh ý kiến thẩm tra các dự thảo nghị quyết, cụ thể như sau:

1. Dự thảo Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp Hội trường 420 chỗ

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Theo quy định tại khoản 7 Điều 17 của Luật Đầu tư công năm 2019: “*Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý*”.

Do đó, để cải tạo, nâng cấp hội trường phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII nhiệm kỳ 2025 - 2030 thì việc trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp Hội trường 420 chỗ là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình; hồ sơ của dự án trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư cơ bản tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, đề nghị điều chỉnh tên nghị quyết là “***Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp Hội trường tỉnh***”.

Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

2. Dự thảo Nghị quyết bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Để chuẩn bị các điều kiện phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII nhiệm kỳ 2025 - 2030, cần thiết phải trình HĐND tỉnh thông qua bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương để bố trí vốn cải tạo, nâng cấp Hội trường tỉnh. Theo quy định khoản 6 Điều 51 Luật Đầu tư công quy định: *“Hội đồng nhân dân các cấp quyết định mức vốn, việc sử dụng, thời điểm sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách cấp mình quản lý”*.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách thống nhất với chủ trương bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương để bố trí vốn cải tạo, nâng cấp Hội trường tỉnh phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

3. Dự thảo Nghị quyết bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2023

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023. Tuy nhiên, ngày 22/10/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1221/QĐ-TTg bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó, giao bổ sung 55 tỷ 826 triệu đồng để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2023 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình. Dự thảo Nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

4. Dự thảo Nghị quyết thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Tại khoản 3, Điều 83 Luật Đầu tư công quy định: *“Hội đồng nhân dân quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách địa*

phương”. Do đó, việc trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách thống nhất với tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 là 5.325 tỷ 422 triệu đồng, trong đó: vốn trong nước là 5.280 tỷ 761 triệu đồng, vốn nước ngoài là 44 tỷ 661 triệu đồng.

Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

5. Dự thảo Nghị quyết dừng thực hiện dự án xây dựng tòa nhà trung tâm hành chính tỉnh, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng BLT

a) Sự cần thiết ban hành nghị quyết

Ngày 16/12/2019, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 20/NQ-HĐND thông qua chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tòa nhà trung tâm hành chính tỉnh, đầu tư theo hình thức đối tác công tư, loại hợp đồng BLT. Tuy nhiên, quá trình thực hiện dự án gặp một số khó khăn, vướng mắc về giao đất, cho thuê đất và một số quy định của pháp luật về thực hiện đầu tư theo phương thức đối tác công tư¹ nên tính khả thi đầu tư dự án khó có khả năng thực hiện và tiềm ẩn một số rủi ro; đồng thời, thực hiện kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 1763-TB/TU ngày 12/9/2023.

Từ những nội dung trên, việc trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết dừng thực hiện dự án xây dựng tòa nhà trung tâm hành chính tỉnh, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng BLT là cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

b) Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với chủ trương và nội dung đề xuất trình của UBND tỉnh, tuy nhiên đề nghị UBND tỉnh lưu ý một số vấn đề sau:

- Đề nghị điều chỉnh tên nghị quyết là: **“Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tòa nhà trung tâm hành chính tỉnh, đầu tư theo hình thức đối tác công tư, loại hợp đồng BLT”** để đảm bảo phù hợp theo các quy định của pháp luật. Đồng thời, điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết để thống nhất với tên gọi nghị quyết.

- Nội dung hồ sơ, tờ trình của UBND tỉnh chưa thể hiện được các văn bản, báo cáo cụ thể về việc thực hiện các trình tự trong chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư². Do đó, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục bổ sung, báo cáo về việc thực hiện các trình tự trong chấm dứt hợp đồng dự án.

¹ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư hiện hành không quy định áp dụng hợp đồng BLT đối với dự án trung tâm hành chính tỉnh, trụ sở cơ quan nhà nước.

² Hợp đồng dự án số 01/2021/HĐBLT ngày 09/7/2021 được ký kết giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh (được UBND tỉnh ủy quyền) với Liên danh Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Quảng Ninh - Công ty TNHH Hà

c) Dự thảo Nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Sau khi UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung nội dung phù hợp theo quy định, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

6. Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra, thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Phước

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Tại Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định:

“Điều 4. Nội dung và mức chi của các cuộc Điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều 3 Thông tư này. Trường hợp cần thiết do yêu cầu tính chất phức tạp của cuộc Điều tra thống kê, địa bàn Điều tra thống kê khó khăn: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định một số mức chi cao nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 3 Thông tư này”.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra, thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết và đúng với thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình và đề nghị bổ sung cụm từ “tối đa” trước các định mức chi quy định tại khoản 2 Điều 2 của dự thảo nghị quyết.

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp theo quy định của pháp luật, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

7. Dự thảo Nghị quyết quy định miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Phước

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015, Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019, Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020, Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020, Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 quy định về mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, ngày 10/3/2023, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 2221/BTC-CST, trong đó quy

định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu phí, lệ phí (thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến”.

Do đó, thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Phí và lệ phí³ và đề khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh thì việc trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo quyết quy định miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết và đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau:

- Đề nghị điều chỉnh nội dung tại số thứ tự thứ 1, khoản 1 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết như sau: “Giảm 20% mức thu quy định tại Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh”;

- Bổ sung tên gọi cụ thể của các nghị quyết quy định tại khoản 1 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết để đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành;

- Điều chỉnh tiêu đề, nội dung quy định tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết là “Mức miễn, giảm phí, lệ phí khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến”. Đồng thời, bổ sung nội dung quy định về việc miễn phí, lệ phí khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với các đối tượng được miễn nộp phí, lệ phí quy định tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh;

- Điều chỉnh nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết thành **Điều 3. Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí.**

c) Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định, sau khi UBND tỉnh điều chỉnh các nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

8. Dự thảo Nghị quyết bổ sung một số danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước tại các Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Bình Phước

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Ngày 12/7/2022, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND về ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, qua rà soát còn một số lĩnh vực chưa được ban hành danh mục sự nghiệp công để làm cơ sở giao chế độ tự chủ theo quy định.

Tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định: “Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh

³ “UBND cấp tỉnh có trách nhiệm trình HĐND cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền”.

mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, gửi Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giám sát trong quá trình thực hiện.”

Do đó, việc trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết bổ sung một số danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước tại các phụ lục kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với nội dung trình của UBND tỉnh. Các danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước bổ sung được xây dựng trên cơ sở thực tiễn thực hiện nhiệm vụ đặc thù của từng ngành, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tuy nhiên, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị UBND tỉnh quan tâm một số nội dung sau:

- Điều chỉnh tên nghị quyết thành: ***“Bổ sung các danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước”***. Đồng thời, điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với tên gọi nghị quyết;

- Đối với nội dung bổ sung tại số thứ tự thứ 7 của phụ lục I: đề nghị phân tích các căn cứ pháp lý để xây dựng nội dung *“lĩnh vực dịch vụ đào tạo ngắn hạn”* vì khung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ không quy định nội dung này. Đồng thời rà soát tất cả các nội dung quy định tại nội dung số thứ tự thứ 5, 6, 8 của phụ lục I đảm bảo phù hợp với danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 186/QĐ-TTg ngày 10/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

- Đối với nội dung bổ sung tại số thứ tự thứ 2 và số thứ tự thứ 4 của phụ lục II: đề nghị rà soát sự trùng lặp nội dung *“Các dịch vụ về khám, tư vấn tâm soát ung thư phụ khoa đối với phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, các dịch vụ tư vấn về kế hoạch hóa gia đình”*;

- Đối với nội dung quy định tại phụ lục IX: đề nghị phân tích các căn cứ pháp lý và sự cần thiết đề xuất nội dung *“Dịch vụ tuyên truyền, giáo dục môi trường; Các dịch vụ tư vấn, phi tư vấn khác trong lâm nghiệp”* tại số thứ tự thứ 1 và các nội dung quy định tại số thứ tự thứ 2 (dịch vụ nông nghiệp), số thứ tự thứ 4 (dịch vụ lĩnh vực công nghệ sinh học), số thứ tự thứ 5 (dịch vụ lĩnh vực công nghệ vi sinh);

- Đối với nội dung tại phụ lục X: đề nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung tên danh mục sự nghiệp công có sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định tại danh mục kèm theo Quyết định số 765/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực nội vụ.

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ không quy định về “dịch vụ bảo quản tài liệu; dịch vụ tổ chức tài liệu lưu trữ; dịch vụ về tổ chức sử dụng tài liệu”. Do đó, đề nghị UBND tỉnh phân tích và làm rõ căn cứ pháp lý để xây dựng các nội dung quy định tại phụ lục.

- Đối với nội dung dịch vụ thuộc lĩnh vực văn hóa tại phụ lục XI: đề nghị rà soát và sửa đổi toàn bộ nội dung của phụ lục đảm bảo phù hợp với danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 156/QĐ-TTg ngày 29/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó, rà soát tất cả các nội dung có liên quan đến thư viện, lưu trữ tài liệu để tránh trùng lặp đối với các nội dung quy định tại phụ lục X;

- Đề nghị phân tích, làm rõ căn cứ pháp lý và sự cần thiết xây dựng nội dung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý khu công nghiệp tại phụ lục số XII (danh mục sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý khu công nghiệp), vì Quyết định số 573/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ không quy định các nội dung này;

- Đối với phụ lục XIII. Danh mục dịch vụ sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ: đề nghị rà soát và sửa đổi toàn bộ nội dung của phụ lục đảm bảo phù hợp với danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. Đối với các nội dung đề xuất mới theo tình hình của địa phương, đề nghị phân tích và làm rõ sự cần thiết đưa nội dung vào danh mục.

Rà soát, điều chỉnh thể thức trình bày văn bản theo đúng quy định⁴. Xác định rõ nội dung “*thẩm định điều kiện hoạt động khoa học công nghệ cho các tổ chức khoa học công nghệ*” có bao gồm việc thẩm định cấp thay đổi, cấp lại để đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

- Đối với phụ lục XIII. Danh mục dịch vụ sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp xây dựng: đề nghị phân tích, làm rõ căn cứ pháp lý xây dựng nội dung quy định này.

c) Dự thảo Nghị quyết đảm bảo nội dung, sau khi UBND tỉnh xem xét, giải trình và điều chỉnh các nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

9. Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của HĐND tỉnh Bình Phước quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

⁴ Không sử dụng các cụm từ viết tắt. Các trường hợp viết tắt theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 19/07/2017 về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư. Tuy nhiên hiện nay, nội dung quy định về quản lý nguồn thu tại khoản 5 Điều 1 của Nghị quyết không còn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và các quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/08/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí⁵. Do đó việc trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của HĐND tỉnh Bình Phước quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình. Tuy nhiên, đề nghị điều chỉnh tên nghị quyết thành: ***“Nghị quyết sửa đổi khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư”***. Đồng thời, điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với tên gọi nghị quyết.

Đề nghị điều chỉnh bố cục nội dung quy định tại Điều 2, Điều 3 của dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp theo quy định tại mẫu số 36 của phụ lục số I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

c) Dự thảo Nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi UBND tỉnh điều chỉnh phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

10. Dự thảo Nghị quyết thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024, hủy danh mục các dự án không thực hiện và danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Tại khoản 3 Điều 45 Luật Đất đai năm 2013 quy định: ***“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật này trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện”***.

Đồng thời, khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai cũng quy định: ***“Diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được công bố phải thu hồi***

⁵ Ban quản lý cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư là đơn vị tự chủ thực hiện nhiệm vụ thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư. Theo quy định tại khoản 1 Điều 4, Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ: ***“Cơ quan thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động”***. ***“Số tiền phí được khấu trừ hoặc để lại cho tổ chức thu phí tỷ lệ để lại tối đa không quá 100%”***.

để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi hoặc chuyển mục đích đối với phần diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất”.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024 và hủy danh mục các dự án thu hồi đất đã quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về danh mục các dự án cần thu hồi đất, hủy danh mục các dự án đã quá 3 năm nhưng chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản nhất trí với danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2024 để phục vụ các mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh quan tâm các nội dung sau:

- Đối với danh mục các dự án cần thu hồi đất là danh mục chuyển tiếp: đề nghị UBND tỉnh rà soát toàn bộ danh mục các dự án chuyển tiếp và đưa ra khỏi danh mục đối với các dự án đã quá 3 năm nhưng chưa triển khai thực hiện, như: (1) xây dựng đường giao thông khu phân lô đất Lâm trường Suối Nhung (cũ), phường Tân Bình; (2) Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1-2 kết nối Quốc lộ 14; (3) Trụ sở Công an thành phố Đồng Xoài, Trường Tiểu học Tân Bình và KDC dịch vụ hỗn hợp tại phường Tân Bình; (4) Xây dựng đường nối Đường vòng quanh hồ Phước Hòa với KCN Đồng Xoài I; (5) dự án xây dựng Trường Mầm non phục vụ khu công nghiệp Long Hà; (6) dự án xây dựng đường kết nối 2 Khu công nghiệp xã Long Tân - Long Hà, huyện Phú Riềng⁶; (7) dự án khu xử lý chất thải tập trung của huyện Lộc Ninh; (8) khu dân cư Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong, Bù Đăng. Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát, xem xét về khả năng thực hiện của tất cả các dự án chuyển tiếp, trên cơ sở đó trình HĐND tỉnh hủy bỏ danh mục các dự án chưa có khả năng thực hiện, chưa đảm bảo về pháp lý để góp phần nâng cao tỷ lệ thực hiện danh mục các dự án cần thu hồi đất.

Bên cạnh đó, đề nghị phân tích làm rõ danh mục: (1) dự án nhà máy xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại Phú Riềng với diện tích đề xuất thu hồi trong năm 2024 là 38,99 ha nhưng tại phần căn cứ pháp lý theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh thì tên dự án là dự án Bãi rác huyện với diện tích thu hồi là 35,75 ha; (2) dự án Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích đề xuất thu hồi trong năm 2024 là 5,74 ha nhưng tại phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh thì dự án điều chỉnh diện tích thu hồi là 23,4 ha.

⁶ Các dự án này đã được đưa vào danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2021 tại Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh, tuy nhiên đến nay đã quá 3 năm nhưng chưa thực hiện. Bên cạnh đó, hiện nay 02 khu công nghiệp này không được thể hiện trong nội dung quy hoạch đất phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đối với danh mục các dự án đăng ký mới trong năm 2024: qua xem xét nội dung danh mục các dự án, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị UBND tỉnh phân tích, bổ sung căn cứ pháp lý của các dự án chưa đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Điều 36 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: (1) danh mục 8 dự án điểm trường trên địa bàn huyện Bù Gia Mập⁷; (2) dự án khu dân cư liền kề dự án Sân golf kết hợp khu đô thị, dịch vụ, du lịch, nghỉ dưỡng - thị xã Chơn Thành; (3) dự án khu đô thị mới Nam An Lộc - Hớn Quản; (4) 32 danh mục dự án đường bê tông xi măng trên địa bàn huyện Đồng Phú; (5) thu hồi một phần diện tích đất của ông Lê Văn Quý và bà Mai Thị Giang làm đường đi chung cho các hộ dân, huyện Đồng Phú; (6) Xây dựng trụ sở, nơi làm việc, sinh hoạt cho công an các xã trên địa bàn huyện Phú Riềng⁸; (7) Trường Phổ thông DTNT THCS&THPT Điều Ong; (9) mở rộng trường mầm Bù Đăng, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng.

Đề nghị phân tích và làm rõ việc đề xuất đăng ký mới danh mục dự án Xây dựng đường giao thông phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư trên địa bàn huyện Lộc Ninh với diện tích cần thu hồi là 60 ha; tuy nhiên trong phần danh mục chuyển tiếp đã thể hiện danh mục dự án “Đường phía tây QL13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư” với diện tích thu hồi là 73,72 ha theo căn cứ pháp lý là Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.

- Đề nghị cập nhập lại số liệu tổng mức đầu tư của các dự án đảm bảo phù hợp theo các căn cứ pháp lý, quyết định đầu tư, kế hoạch vốn bố trí.

c) Dự thảo Nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi UBND tỉnh giải trình, điều chỉnh nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

11. Dự thảo Nghị quyết bổ sung danh mục các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 có thay đổi so với danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019, Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020, Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021, Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 và Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của HĐND tỉnh

a) Về sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ⁹, HĐND tỉnh đã ban hành các nghị quyết để thông qua danh mục, điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 (gồm: Nghị quyết số

⁷ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh không quyết định chủ trương đầu tư cụ thể đối với các điểm trường nêu trên.

⁸ Hồ sơ chưa cung cấp được các căn cứ pháp lý như đã nêu trong danh mục.

⁹ “Trong trường hợp cần thiết mà phải thay đổi về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong cùng một loại đất nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được phê duyệt thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi quyết định cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để tổ chức thực hiện”

22/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019, Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020, Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021, Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 và Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 09/11/2022). Tuy nhiên, qua rà soát chỉ tiêu đất lâm nghiệp trên địa tỉnh tại Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của HĐND tỉnh, hiện còn diện tích 50,48 ha đất lâm nghiệp chưa được phân bổ.

Do đó, để đảm bảo thực hiện các trình tự, thủ tục thực hiện dự án xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) thì việc trình HĐND tỉnh bổ sung danh mục dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp trong giai đoạn 2016 - 2020 là cần thiết.

b) Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung tờ trình, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình. Việc phân bổ diện tích 46,31 ha (lấy từ chỉ tiêu 50,48 ha đất lâm nghiệp theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của HĐND tỉnh) để thực hiện dự án xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu được Chính phủ phân bổ tại Nghị quyết số 149/NQ-CP ngày 13/12/2018. Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, điều chỉnh tuyển thực tế của dự án phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện.

c) Dự thảo Nghị quyết: đảm bảo nội dung, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

12. Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND ngày 21/7/2004 của HĐND tỉnh về việc ban hành mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Mục 1 Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Qua rà soát các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, cho thấy hiện nay các căn cứ pháp lý để xây dựng nội dung Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND ngày 21/7/2004 và Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh không còn phù hợp do đã hết hiệu lực và đã được thay thế, bãi bỏ bởi các văn bản quy phạm pháp luật khác của cơ quan cấp trên.

Thực hiện theo quy định tại Điều 154 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: “*Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần khi bị bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND ngày 21/7/2004 của HĐND tỉnh về việc ban hành mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Mục 1 Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình. Tuy nhiên, Ban kinh tế - ngân sách có một số ý kiến như sau:

- Đề nghị điều chỉnh tên dự thảo Nghị quyết thành: ***“Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2004 và Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước”*** để đảm bảo phù hợp với quy định tại biểu mẫu số 42 phụ lục số I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. Đồng thời, điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với tên gọi nghị quyết.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định: *“Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cần áp dụng mức phí cao hơn, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức phí cụ thể cao hơn đối với từng đối tượng chịu phí”*. Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ: *“Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này”*. Do đó, đề nghị UBND tỉnh phân tích thêm về dự kiến phương án mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn tỉnh và phương thức tổ chức thực hiện thu phí, tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định sau khi trình HĐND tỉnh bãi bỏ các Nghị quyết về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt hiện hành trên địa bàn tỉnh.

c) Dự thảo Nghị quyết: đảm bảo nội dung, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Sau khi UBND tỉnh điều chỉnh và giải trình làm rõ, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

13. Dự thảo Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)

a) Về sự cần thiết ban hành nghị quyết

Thực hiện quy định tại Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và triển khai thực hiện Thông báo số 57/TB-BKHĐT ngày 06/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Báo cáo số 946/BC-HĐTĐNN ngày 10/11/2023 của Hội đồng thẩm định nhà nước về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư xây dựng Đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)¹⁰. Để chuẩn bị thực hiện dự án xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) thì việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết là cần thiết.

¹⁰ “Đề nghị UBND tỉnh bổ sung nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước về chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng (đối với 46 ha rừng sản xuất là rừng trồng)”.

b) Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung do UBND tỉnh trình và đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau:

- Đề nghị điều chỉnh tên nghị quyết thành: ***“Thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)”***. Đồng thời, điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 1 của dự thảo nghị quyết đảm bảo phù hợp với tên gọi nghị quyết;

- Bổ sung nội dung căn cứ pháp lý: **“Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020”**;

- Điều chỉnh thể thức của dự thảo Nghị quyết sang hình thức nghị quyết cá biệt;

- Điều chỉnh nội dung Điều 2 của dự thảo Nghị quyết như sau: **“Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các trình tự, thủ tục trong chuyển mục đích sử dụng rừng theo đúng quy định. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.**

c) Dự thảo Nghị quyết đảm bảo nội dung, sau khi UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

14. Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 và phụ lục kèm theo của Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh quy định về mức hỗ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 về quy định mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết trên địa bàn tỉnh đã phát sinh một số khó khăn, nội dung thực hiện chưa phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; đồng thời, triển khai thực hiện kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo số 261/TB-KTNN ngày 07/7/2023 về kết quả kiểm toán tại tỉnh Bình Phước.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 và phụ lục kèm theo của Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh quy định về mức hỗ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 là cần thiết và đúng với thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình, đồng thời đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh một số nội dung như sau:

- Điều chỉnh tên dự thảo Nghị quyết là **“Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 và phụ lục kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân tỉnh Bình Phước quy định về mức hỗ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025”**. Đồng thời, điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với tên gọi nghị quyết;

- Điều chỉnh nội dung tại khoản 1 Điều 1 để đảm bảo phù hợp với mẫu số 36 của phụ lục số I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các quy định về thể thức trình bày văn bản tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ, cụ thể như sau:

”1. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 1 như sau:

b) Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Sửa đổi điểm a khoản 5 Điều 1 như sau:

a) Nội dung, định mức, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương theo đối tượng xã, huyện

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và điều kiện thực tế của tỉnh để phân bổ kinh phí cho các xã, các huyện về đích theo lộ trình hàng năm và giai đoạn, cụ thể:

- Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện trong năm 2022) theo đối tượng xã. Trong đó, đối với xã đặc biệt khó khăn, hệ số quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, phần còn lại ưu tiên tập trung cho các xã đã về đích năm 2021 nhưng chất lượng tiêu chí còn chưa cao;

- Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương giai đoạn 2022 - 2025 theo đối tượng xã, huyện, cụ thể:

+ Đối với xã: Xã an toàn khu chưa đạt chuẩn nông thôn mới, hệ số quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, phần còn lại ưu tiên tập trung cho các xã về đích trong năm;

+ Đối với huyện: Phân bổ cho 02 huyện Lộc Ninh, Phú Riềng theo lộ trình phân đấu về đích”.

- Điều chỉnh nội dung tại khoản 2 Điều 1 của dự thảo nghị quyết thành:

“2. Bổ sung các nội dung ghi chú tại phụ lục kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước như sau:

“- Hỗ trợ các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới: Hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện; hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng; phát triển y tế; công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải; nước sạch tập trung; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, Chương trình OCOP,... Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa cho một công trình, dự án không quá 70% đối với các huyện miền núi, không quá 50% đối với các huyện còn lại.

- Đối với các dự án thực hiện trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn: thực hiện theo điểm c khoản 1 Điều 4 của Quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 - 2025 kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Mức hỗ trợ nêu trong nghị quyết là mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước. Trong quá trình thực hiện các địa phương huy động thêm các nguồn lực khác để thực hiện.”

- Đề nghị bổ sung nội dung quy định về điều khoản chuyển tiếp tại Điều 2, của dự thảo Nghị quyết để đảm bảo phù hợp theo quy định tại mẫu số 36 của phụ lục số I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

c) Dự thảo Nghị quyết: đảm bảo nội dung, phù hợp theo quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương. Sau khi UBND tỉnh điều chỉnh phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

15. Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Ngày 31/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1322/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 19/5/2021, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 35/2021/TT-BTC quy định về cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030, trong đó, nội dung tại khoản 1 Điều 11 của Thông tư quy định: “Căn cứ theo các tiêu chí, điều kiện xét chọn, tuyển chọn các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình 1322 và khả năng cân đối nguồn lực... Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các nhiệm vụ của Chương trình 1322 do địa phương thực hiện) quyết định cụ thể các mức chi đảm bảo phù hợp”.

Do đó, để thống nhất việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình 1322 trên địa bàn tỉnh thì việc trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với nội dung trình của UBND tỉnh. Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh quan tâm một số nội dung sau:

- Đề nghị điều chỉnh tên nghị quyết thành ***“Nghị quyết ban hành Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030”*** để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015¹¹. Đồng thời, điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 1 của dự thảo nghị quyết đảm bảo phù hợp với tên gọi nghị quyết;

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 quy định: ***“văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác”***; khoản 1 Điều 27 của Luật quy định: ***“HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”***. Do đó, đề nghị UBND tỉnh rà soát các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5 của quy định kèm theo dự thảo nghị quyết, tránh quy định lại các nội dung đã quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ Tài chính;

- Bổ sung cụm từ “Nội dung và” trước cụm từ “mức chi” tại phần tiêu đề của các Điều trong quy định;

- Đối với nội dung quy định tại khoản 1 Điều 5 của quy định kèm theo dự thảo nghị quyết: đề nghị phân tích rõ nội dung ***“Mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành về nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước”*** gồm những quy định nào? Quy định về mức chi cụ thể như thế nào?;

- Đề nghị thể hiện rõ định mức hỗ trợ đối với nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 của quy định kèm theo dự thảo nghị quyết;

- Đối với nội dung quy định tại khoản 1 Điều 7:

- + Bổ sung Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. Vì một số nội dung của Thông tư này đã bãi bỏ Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

- + Đề nghị phân tích, quy định rõ nội dung ***“các quy định hiện hành của địa phương”*** gồm cụ thể những quy định nào?;

- Đối với nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8: đề nghị phân tích và làm rõ các căn cứ pháp lý để xây dựng các điều kiện, mức hỗ trợ như nội dung quy định. Bên cạnh đó, cần xác định rõ các điều kiện doanh nghiệp được hỗ trợ đã

¹¹ Khoản 3 Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: ***“Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt không được quy định hiệu lực trở về trước”***.

đáp ứng đủ các điều kiện tham gia chương trình 1322 theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ chưa?

c) Dự thảo Nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi UBND tỉnh giải trình, điều chỉnh nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

16. Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2025

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ Tài chính quy định: *“Căn cứ theo các tiêu chí, điều kiện xét chọn, tuyển chọn các tổ chức, cá nhân tham gia Đề án 844 và khả năng cân đối nguồn lực, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các nhiệm vụ của Đề án 844 do địa phương thực hiện) quyết định cụ thể các nội dung và mức chi đảm bảo phù hợp”*.

Do đó, để thực hiện hiệu quả đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2025 (theo Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ) thì việc trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi để thực hiện Đề án là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết và đề nghị UBND tỉnh quan tâm một số nội dung sau:

- Đề nghị phân tích và làm rõ các căn cứ pháp lý xây dựng nội dung tại điểm c, khoản 2 Điều 1 của quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết, vì Điều 1 Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ không quy định đối tượng hỗ trợ là: *“Tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”*;

- Đối với nội dung quy định tại điểm a, điểm c khoản 4 Điều 4 của quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết: đề nghị bổ sung nội dung *“Nghị định số 60/2019/NĐ-CP ngày 05/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ”*;

- Rà soát các nội dung quy định mức chi có liên quan đến Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, vì theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 54/2021/TT-BTC ngày 06/7/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 35 Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước: *“chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quy định tại Thông tư này được áp dụng cho đến khi thực hiện chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang do Chính phủ ban hành để triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm*

2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp”;

- Đề nghị rà soát, bỏ nội dung “Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước quy định chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước”, vì nội dung của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh không quy định nội dung, định mức chi cho việc tổ chức hội nghị, hội thảo về khởi nghiệp sáng tạo;

c) Dự thảo Nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi UBND tỉnh giải trình, điều chỉnh nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

17. Dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Ngày 12/7/2022, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, Nghị quyết chưa quy định việc bố trí ngân sách tỉnh đối ứng nguồn ngân sách Trung ương phân bổ cho các sở, ngành thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình nên tỷ lệ đối ứng của địa phương không đảm bảo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó, việc quy định giai đoạn thực hiện chương trình (2021 - 2025) trên địa bàn tỉnh chưa phù hợp với quy định tại Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Do đó, để đảm bảo tỷ lệ đối ứng theo các quy định của trung ương và thống nhất về hiệu lực của văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì việc trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với nội dung trình của UBND tỉnh và điều chỉnh một số nội dung như sau:

- Đề nghị điều chỉnh tên dự thảo nghị quyết thành: ***“Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết và quy định kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định về tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai***

đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh". Đồng thời điều chỉnh nội dung tiêu đề tại Điều 1 của dự thảo nghị quyết đảm bảo phù hợp với tên gọi;

- Đề nghị điều chỉnh nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 của dự thảo nghị quyết như sau:

"1. Sửa đổi giai đoạn triển khai, như sau:

a) Tại phần tên gọi của nghị quyết: Nghị quyết ban hành quy định về tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

b) Tại Điều 1 của Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước: Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

c) Tại Điều 1 của quy định kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước: Quy định này quy định các tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là Chương trình)".

- Đề nghị điều chỉnh bố cục nội dung quy định tại Điều 2, Điều 3 của dự thảo nghị quyết đảm bảo phù hợp theo quy định tại mẫu số 36 của phụ lục số I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

c) Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi UBND tỉnh điều chỉnh nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách đối với các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại kỳ họp thứ 12 (cuối năm 2023) của HĐND tỉnh. Ban kinh tế - ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

TM. BAN KT-NS HĐND TỈNH
TRƯỞNG BAN *Phúc*



Huỳnh Hữu Thiêt